

HOÀN THIÊN PHÁP LUẬT VỀ NUÔI CON NUÔI TRONG NƯỚC

NGUYỄN THẢO LINH*

Nuôi con nuôi thể hiện sự nhân đạo và góp phần giúp những trẻ em “cơ nhỡ, lang thang, bị bỏ rơi” có thể có gia đình và được bảo đảm các quyền cơ bản của trẻ. Chính vì vậy, Luật Nuôi con nuôi được ban hành nhằm xác lập về mặt pháp lý quan hệ giữa cha mẹ nuôi với con nuôi lâu dài, bền vững vì sự phát triển của trẻ. Bài viết khái quát về tình hình nuôi con nuôi trong nước tại Việt Nam, chỉ ra một số hạn chế trong pháp luật về nuôi con nuôi, từ đó, đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện.

Từ khóa: Nuôi con nuôi trong nước; hoàn thiện; Luật Nuôi con nuôi; Việt Nam.

Adoption reflects humanitarian values and helps "disadvantaged, homeless, and abandoned" children find families and have their basic rights ensured. Therefore, the Law on Adoption was enacted to legally establish a long-term and sustainable relationship between adoptive parents and adopted children for the children's development. This article provides an overview of the situation of domestic adoption in Vietnam, identifies some limitations in the adoption law, and proposes some recommendations for improvement.

Keywords: Domestic adoption; improvement; Law on Adoption; Vietnam.

NGÀY NHẬN: 16/7/2024

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 19/7/2024

NGÀY DUYỆT: 19/8/2024

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.343.2024.930>

1. Khái quát về nuôi con nuôi trong nước

Hiện nay, xuất phát hoàn cảnh cá nhân của những đứa trẻ cơ nhỡ, khó khăn và từ ý muốn chủ quan của các cá nhân, gia đình mà vấn đề nhận nuôi con nuôi ngày càng phổ biến. Việc nuôi con nuôi không chỉ giới hạn trong nước mà còn xét đến vấn đề nuôi con nuôi mang yếu tố nước ngoài. Tại Việt Nam, Nhà nước đã ban hành các văn bản pháp lý nhằm giải quyết và quy định về vấn đề này, như: *Luật Hộ nhân và gia đình* năm 2014, *Luật Nuôi con nuôi* năm 2010, đó là:

(1) Khoản 1 Điều 3 *Luật Nuôi con nuôi* năm 2010 quy định: “nuôi con nuôi là việc

xác lập quan hệ cha, mẹ và con giữa người nhận nuôi và người được nhận nuôi”, nghĩa là, kể từ thời điểm nhận nuôi, người nhận con nuôi có trách nhiệm và nghĩa vụ với tư cách là cha, mẹ, kéo theo những hệ quả pháp lý về sau và ngược lại, người được nhận nuôi cũng có nghĩa vụ, trách nhiệm theo quy định pháp luật với tư cách là con nuôi.

(2) Khoản 4 Điều 3 *Luật Nuôi con nuôi* năm 2010 quy định: “nuôi con nuôi trong nước là việc nuôi con nuôi giữa công dân Việt Nam với nhau thường trú ở Việt Nam”;

* Công ty Luật TNHH Vietsavvy

điều này đồng nghĩa với việc công dân mang quốc tịch Việt Nam, có hộ khẩu thường trú trong nước và đáp ứng các điều kiện theo luật định thì sẽ trở thành chủ thể của trường hợp nhận nuôi con trong nước.

Từ khi *Luật Nuôi con nuôi* được ban hành và áp dụng thực hiện, Việt Nam đã đạt được những thành tựu đáng kể:

(1) Giai đoạn 2011 - 2020, cả nước có hơn 30.000 trẻ em được giải quyết làm con nuôi trong và ngoài nước. Trong đó, có gần 26.700 trẻ em làm con nuôi trong nước, chiếm hơn 87,2%. Về tình hình phát triển của trẻ em được cho làm con nuôi trong nước, có 69,5% trẻ em được nhận làm con nuôi phát triển tốt, 21,8% trẻ em có mức độ phát triển bình thường và số lượng các trường hợp nuôi con nuôi không thành công chỉ ở mức độ rất thấp (0,3%). Hầu hết trẻ em được nhận làm con nuôi hòa nhập tốt với môi trường gia đình cha mẹ nuôi, do trẻ em được nhận làm con nuôi từ khi còn rất nhỏ tuổi¹.

(2) Giai đoạn năm 2021 - 2022, có hơn 5.000 trường hợp trẻ em được nhận nuôi trên cả nước². Tuy nhiên, số lượng trẻ em đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở nuôi dưỡng được cho làm con nuôi trong nước còn quá ít so với số lượng trẻ em cần có gia đình thay thế. Số lượng trẻ em được nhận làm con nuôi trong nước chủ yếu thuộc diện có quan hệ họ hàng.

2. Một số vướng mắc, bất cập

Thứ nhất, xét về chủ thể được nhận làm con nuôi, Điều 8 *Luật Nuôi con nuôi* năm 2010 có quy định về các trường hợp được nhận làm con nuôi. Tuy nhiên, điều đáng quan tâm là những đứa trẻ từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi chỉ được làm con nuôi trong các trường hợp: “được cha dượng, mẹ kế nhận làm con nuôi” hoặc “được cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận làm con nuôi”. Trên thực tế, việc nuôi con nuôi thường đến với người độc thân không muốn lập gia đình hoặc cặp vợ chồng hiếm muộn, hoặc những gia đình hảo

tâm muốn cứu mang và giúp đỡ những đứa trẻ đó bằng cách nuôi dưỡng chúng trong khả năng của mình thì những điều kiện trong quy định trên có thể coi là một vấn đề bất cập. Vì vậy, cần có sự thay đổi cách nhìn nhận lại về trường hợp người được nhận nuôi trong khoảng từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi nhằm bảo đảm tất cả trẻ em đều có quyền được hưởng sự nuôi dưỡng, chăm sóc.

Thứ hai, xét về điều kiện đối với người nhận con nuôi quy định tại điểm b Điều 14 *Luật Nuôi con nuôi* năm 2010: việc quy định điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở là hoàn toàn hợp lý. Song quy định này lại nảy sinh một vấn đề. Đó là: việc xác định điều kiện về sức khỏe hay chỗ ở có thể được bảo đảm thông qua giấy khám sức khỏe hoặc giấy tờ chứng minh nơi cư trú. Tuy nhiên, tiêu chuẩn về sức khỏe và điều kiện chỗ ở như thế nào thì luật chưa làm rõ một cách chính xác. Như vậy, vấn đề quy định trong *Luật* hiện nay là không hợp lý.

Thứ ba, về điều kiện tìm gia đình thay thế cho trẻ em và điều kiện chấm dứt quan hệ nuôi con được quy định tại Điều 15 *Luật Nuôi con nuôi* năm 2010 và Điều 78 *Luật Hôn nhân và gia đình* năm 2014. Theo điểm b khoản 1 Điều 15 *Luật Nuôi con nuôi*, trường hợp cha đẻ, mẹ đẻ hoặc người thân thích không còn khả năng để nuôi con nữa thì phải báo cáo với Ủy ban nhân dân (UBND) xã để tìm gia đình thay thế. Trong khi đó, tại Điều 78 *Luật Hôn nhân và gia đình* thì quy định cha mẹ đẻ không còn hoặc không có điều kiện nuôi con trong trường hợp con đẻ chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình thì do Tòa án giải quyết việc chấm dứt và chỉ định người giám hộ cho con.

Như vậy, Tòa án có thẩm quyền chấm dứt quan hệ cha mẹ ruột - con ruột và chỉ định người giám hộ và UBND cấp xã có trách nhiệm tìm gia đình hoặc tổ chức nuôi dưỡng

cho trẻ em. Tuy nhiên, hiện nay, Nhà nước vẫn chưa có quy định cụ thể về vấn đề như thế nào mới được xác định là “không có khả năng”, “không có hoặc không còn điều kiện” để nuôi con. Đây có thể coi là khoảng trống trong hệ thống quy phạm pháp luật liên quan đến chế định hôn nhân và gia đình.

Thứ tư, về hệ quả pháp lý việc nuôi con nuôi quy định tại khoản 2 Điều 24 *Luật Nuôi con nuôi* năm 2010; điểm b khoản 1 Điều 27 và điểm b khoản 1 Điều 28 *Bộ luật Dân sự* năm 2015 thì cha mẹ nuôi có quyền yêu cầu thay đổi họ, tên cho con nuôi. Sự thay đổi họ, tên cho người từ đủ 9 tuổi trở lên phải có sự đồng ý của người đó và được quy định khá rõ ràng. Nhưng đối với trẻ em dưới 9 tuổi, việc thay đổi họ, tên theo yêu cầu của cha, mẹ nuôi có cần tới sự đồng ý của cha, mẹ đẻ hay không thì chưa được quy định cụ thể? Đây là vấn đề cần cân nhắc trong việc hoàn thiện chế định hôn nhân và gia đình nói riêng và pháp luật nói chung.

Thứ năm, xét về việc thông báo tình hình phát triển của con nuôi theo Điều 23 *Luật Nuôi con nuôi* năm 2010: đây là quy định thể hiện rõ sự quan tâm của Nhà nước đối với cuộc sống của trẻ em được nhận nuôi, bảo đảm cho trẻ có môi trường sống tốt đẹp. Tuy nhiên, đa số cha mẹ nuôi sau khi nhận con nuôi chưa thực hiện nghĩa vụ này theo quy định của pháp luật³. Việc quy định báo cáo định kỳ liên tục trong thời hạn 3 năm chỉ áp dụng hiệu quả khi gia đình nhận con nuôi đang ở tại địa bàn đang cư trú người nhận nuôi nhận con nuôi. Trong trường hợp gia đình nhận nuôi chuyển đi sang địa bàn khác hoặc thậm chí ra nước ngoài sinh sống thì UBND cấp xã tại nơi ở mới không thể nắm bắt tình hình phát triển của trẻ em được nhận nuôi. Đây là một bất cập cần có quy định nghiêm hơn, cụ thể hơn để người nhận con nuôi thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Sự thiếu sót trong quy định về các trường hợp chấm dứt nuôi con nuôi: đối với trẻ em bị bỏ rơi, nếu cha hoặc mẹ hoặc cả cha mẹ nuôi của họ đều chết, mất tích thì vấn đề chấm dứt có được đặt ra hay không? Và, nếu mất tích thì trong khoảng thời gian bao lâu thì đặt ra việc chấm dứt nuôi con nuôi? Nếu không chấm dứt quan hệ nuôi con nuôi trước đó thì đứa trẻ này làm sao có thể được hỗ trợ tìm kiếm và thay thế một gia đình nhận nuôi khác hoặc được đưa về cơ sở nuôi dưỡng khi các giấy tờ pháp lý vẫn theo cha mẹ nuôi cũ. Đây chính là vấn đề bất cập trong việc quy định các trường hợp chấm dứt quan hệ nuôi con nuôi và cần sự xem xét, đánh giá kỹ lưỡng hơn để bổ sung quy định pháp luật.

3. Một số kiến nghị hoàn thiện

Một là, xét về chủ thể được nhận làm con nuôi: Nhà nước nên nói rộng các điều kiện về độ tuổi của người được nhận làm con nuôi. Trước hết là với nhóm tuổi từ đủ 16 đến dưới 18 cần xét thêm điều kiện “trường hợp khác” hoặc “nếu xác định được người nhận nuôi nhận làm con nuôi do mục đích nhân đạo”. Điều này sẽ khiến trẻ em ở độ tuổi đó có thể tìm được gia đình của chính mình, được nuôi dưỡng dưới danh nghĩa một gia đình độc lập. Với độ tuổi trên 18 tuổi, pháp luật không quy định về độ tuổi này, nhưng xét thấy người được nhận làm con nuôi có đủ năng lực hành vi dân sự, họ có thể tự quyết định nhận làm con nuôi theo ý định của mình và chủ thể nhận nuôi. Điều này có thể coi là một sự thỏa thuận nhân nghĩa và Nhà nước nên tôn trọng điều đó và đánh giá, xem xét, đề xuất vấn đề này.

Hai là, xét về điều kiện đối với người nhận nuôi con nuôi: trước hết, các nhà làm luật cần minh định, cụ thể hóa, chi tiết hóa vấn đề được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 14 của *Luật Nuôi con nuôi* năm 2010. Trong đó, cần cụ thể các minh chứng về sức khỏe thế nào? Có xét đến trường hợp mắc

bệnh mãn tính và không bảo đảm sức khỏe trong tương lai không? Chỗ ở phải như thế nào? Nhà đất là tài sản duy nhất bị thế chấp có được coi là chỗ ở cố định hợp lý cho việc nuôi con không?

Ba là, xét về điều kiện tìm gia đình thay thế cho trẻ em và điều kiện chấm dứt quan hệ nuôi con: cần làm rõ những cụm từ “không còn khả năng”, “không có hoặc không còn điều kiện” để nuôi con.

Bốn là, xét về vấn đề hệ quả pháp lý liên quan đến đặt lại họ, tên cho con nuôi theo họ cha hoặc mẹ nuôi. Luật nên bổ sung trường hợp trẻ em dưới 9 tuổi, việc yêu cầu đổi họ, tên cần có sự thống nhất và đồng ý của bên người nhận nuôi và cha, mẹ đẻ của người được nhận nuôi. Như vậy, vấn đề họ, tên của người nhận nuôi sẽ được rõ ràng hơn. Hơn nữa, việc đồng ý của người được nhận làm con nuôi cũng phải lập văn bản hoặc có người chứng kiến chứng nhận (như công chứng viên).

Năm là, xét về thông báo tình hình phát triển của con nuôi, cần:

(1) Quy định rõ ràng hơn về các chính sách vận động, kiểm tra và trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền trong việc liên hệ với những gia đình nhận nuôi con nuôi nhằm nắm bắt tình hình phát triển của trẻ được nhận nuôi. Trong trường hợp cố tình không báo cáo tình hình thì phía cơ quan có thẩm quyền có thể đưa ra biện pháp, như: yêu cầu giải trình hoặc phạt tiền tùy mức độ tình hình.

(2) Nếu gia đình nuôi con nuôi chuyển sang địa bàn cư trú khác, thuộc địa bàn của UBND cấp xã khác thì cần có văn bản hướng dẫn về vấn đề này, cụ thể như quy định về chuyển giao các giấy tờ tùy thân, sổ ghi chép báo cáo bằng văn bản rõ ràng cho địa bàn nơi gia đình kia mới chuyển tới. UBND cấp xã có thể yêu cầu người nhận nuôi báo cáo và thực hiện các thủ tục chuyển giao giấy tờ cho chính quyền địa bàn nơi gia đình nhận

nuôi chuyển đến hoặc làm văn bản gửi cho chính quyền địa phương cấp xã nơi gia đình nhận nuôi cư trú mới.

Sáu là, xét về trường hợp chấm dứt việc nuôi con nuôi: cơ quan có thẩm quyền nên đánh giá khách quan, từ đó, có hướng đề xuất, bổ sung quy định để giải quyết tình huống vi phạm nguyên tắc nếu nhận thấy có căn cứ chứng minh rằng họ vi phạm các điều kiện của người nhận nuôi và người được nhận nuôi.

Bên cạnh đó, các cơ quan, chức năng khi xây dựng luật cần kiến nghị, bổ sung các trường hợp chấm dứt việc nuôi con nuôi, điển hình như bổ sung trường hợp: cha hoặc mẹ hoặc cả cha mẹ nuôi đã chết và hệ quả pháp lý của vấn đề này cũng cần được kèm theo

Chú thích:

1. Bộ Tư pháp (2021). *Tài liệu Hội nghị toàn quốc tổng kết thi hành Luật Nuôi con nuôi và Công ước La Hay số 33 về bảo vệ trẻ em và hợp tác trong lĩnh vực nuôi con nuôi quốc tế*. <https://moj.gov.vn>, ngày 08/11/2021.

2. Năm 2022, giải quyết 2.908 trường hợp nuôi con nuôi trong nước. <https://moj.gov.vn>, ngày 07/3/2023.

3. Một số bất cập qua kiểm tra công tác nuôi con nuôi trong nước. <https://danchuphapluat.vn>, truy cập ngày 14/3/2024.

Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Phương Lan (2006). *Cơ sở lý luận và thực tiễn của chế định pháp lý về nuôi con nuôi ở Việt Nam*. Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học luật Hà Nội.

2. Quốc hội (2014). *Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014*.

3. Bộ Tư pháp khảo sát thực trạng giải quyết nuôi con nuôi ở khu vực biên giới. <https://sotp.langson.gov.vn>, ngày 04/12/2023.

4. Cha mẹ đẻ có được đòi lại con từ cha mẹ nuôi. <https://dantri.com.vn>, ngày 26/4/2024.

5. Điều kiện đối với người nhận nuôi con nuôi. <https://danchuphapluat.vn>, ngày 02/10/2023.

6. Làm thế nào để nhận con nuôi tại Việt Nam. <https://vn.usembassy.gov/vi/adoption>, truy cập ngày 01/8/2024.